**DANH MỤC THOẢ THUẬN CÔNG NHẬN GIẤY CHỨNG NHẬN KHẢ NĂNG CHUYÊN MÔN CHO THUYỀN VIÊN THEO CÔNG ƯỚC VỀ TIÊU CHUẨN HUẤN LUYỆN, CẤP CHỨNG CHỈ VÀ TRỰC CA CHO THUYỀN VIÊN NĂM 1978, SỬA ĐỔI NĂM 1995 (GỌI TẮT LÀ CÔNG ƯỚC STCW 78/95) MÀ VIỆT NAM ĐÃ KÝ KẾT**

**List of Undertakings signed by Viet Nam and other countries**

**on Mutual Recognition of Certificates Pursuant to Regulation I/10 of International Convention on Standards of Training, Certification and Watchkeeping for Seafarers, 1978, 2010 amendments**

**Cập nhật gần nhất: 11/6/2018**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| ***TT*** | ***Tên nước******Country*** | ***Cơ quan nước ngoài ký******Partner’s signing agency*** | ***Hình thức ký kết******Endorsement form*** | ***Ngày hoàn thành ký kết******Date of completion of signing*** |
| 1 | Singapore | Maritime and Port Authority of Singapore | Hai bên cấp công nhận cho nhau | 05/12/2001 |
| 2 | Hà Lan | Directorate General for Freight Transport of the Netherlands | Hai bên cấp công nhận cho nhau | 14/01/2002 |
| 3 | Malta | Merchant Shipping Directorate of the Malta Maritime Authority | Hai bên cấp công nhận cho nhau | 01/3/2002 |
| 4 | Vanuatu | Deputy Commissioner of Maritime Affairs | Phía nước ngoài cấp công nhận | 25/3/2002 |
| 5 | Barbados | Barbados Ship's Registry | Phía nước ngoài cấp công nhận | 26/3/2002 |
| 6 | Quần đảo Marshall  | Office of the Maritime Administrator of the Republic of the Marshall Islands. | Phía nước ngoài cấp công nhận | 23/5/2002 |
| 7 | Bahamas | Bahamas Maritime Authority | Phía nước ngoài cấp công nhận | 08/4/2002 |
| 8 | Belize | International Merchant Marine Registry of Belize | Phía nước ngoài cấp công nhận | 04/6/2002 |
| 9 | Indonesia | Directorate General of Sea Communication | Hai bên cấp công nhận cho nhau | 17/7/2002 |
| 10 | Malaysia | Marine Department of Malaysia | Hai bên cấp công nhận cho nhau | 29/7/2002 |
| 11 | Nhật Bản | Maritime Bureau,Ministry of Land, Infrastructure and Transport of Japan | Phía nước ngoài cấp công nhận | 05/8/2002 |
| 12 | Brunei  | Marine Department, Ministry of Communications | Hai bên cấp công nhận cho nhau | 16/9/2002 |
| 13 | Ấn Độ | Director General of Shipping Ministry of Shipping | Phía Việt Nam cấp công nhận | 22/11/2002 |
| 14 | Panama | Panama Maritime Authority | Phía nước ngoài cấp công nhận | 06/12/2002 |
|  | Panama | Panama Maritime Authority | Hai bên công nhận lẫn nhau | 05/7/2011 (hai bên ký lại Thỏa thuận) |
| 15 | Hong Kông | Marine Department | Hai bên cấp công nhận cho nhau | 19/12/2002 |
| 16 | Liên bang Nga | Ministry of Transport oF Russian Ferderation | Phía Việt Nam cấp công nhận | 29/4/2003 |
| 17 | Mông Cổ | Maritime Administration of Mongolia  | Phía nước ngoài cấp công nhận | 05/8/2003 |
| 18 | Ucraina | Ministry of Transport | Hai bên cấp công nhận cho nhau | 01/9/2003 |
| 19 | Síp | Department of Merchant Shipping | Hai bên cấp công nhận cho nhau | Nước ngoài cấp: 10/5/2004Việt Nam cấp: 27/5/2004 |
| 20 | Hàn Quốc | Shipping and Logistics Bureau, Ministry of Maritime Affairs and Fisheries | Hai bên cấp công nhận cho nhau | 27/6/2007 |
| 21 | Romania | Romanian Naval Authority | Phía Việt Nam cấp công nhận | 20/12/2007 |
| 22 | Myanmar | Department of Marine Administration, Ministry of Transport, Myanmar | Hai bên cấp công nhận cho nhau | 20/12/2008 |
| 23 | Pháp | Direction Des Affaires Maritimes acting as the Administration of France | Hai bên cấp công nhận cho nhau | 18/03/2010 |
| 24 | Luxembourg | Commissariat Aux Affaires Maritimes of Luxembourg - Ministry of Economy & Foreign Trade | Phía nước ngoài cấp công nhận | 12/04/2010 |
| 25 | Georgia | Legal Entity of Public Law – Maritime Transport Agency of the Ministry of Economy and Sustainable Development of Georgia | Hai bên cấp công nhận cho nhau | 07/02/2012 |
| 26 | Antigua & Barbuda | Antigua and Barbuda Department of Marine Services and Merchant Shipping | Phía nước ngoài cấp công nhận | 24/6/2014 |
| 27 | Liberia | Liberia Maritime Authority | Phía nước ngoài cấp công nhận | 10/7/2014 |
| 28 | Đan Mạch | Danish Maritime Authority | Hai bên cấp công nhận cho nhau | 10/02/2017 |
| 29 | Thái Lan | Marine Department of Thailand | Hai bên cấp công nhận cho nhau | 14/3/2017 |
| 30 | Croatia | Ministry of Sea, Transport and Infrastructure of the Republic of Croatia | Hai bên cấp công nhận cho nhau | 25/8/2017 |
| 31 | Na Uy | Norwegian Maritime Authority | Hai bên cấp công nhận cho nhau | 20/10/2017 |
| 32 | Quần đảo Cook | Ministry of Transport | Phía nước ngoài cấp công nhận | 10/4/2018 |

1. **Theo Thỏa thuận đã ký:**

Việt Nam ký Thỏa thuận với 32 quốc gia và vùng lãnh thổ, trong đó có:

* 18 Thỏa thuận hai chiều;
* 11 Thỏa thuận một chiều (phía nước ngoài cấp công nhận cho Việt Nam);
* 03 Thỏa thuận một chiều (phía Việt Nam cấp công nhận cho nước ngoài).

Như vậy, theo Thỏa thuận đã ký, Việt Nam được 18 + 11 = 29 quốc gia và vùng lãnh thổ công nhận giấy chứng nhận khả năng chuyên môn của thuyền viên do Việt Nam cấp.

Theo Thỏa thuận đã ký, Việt Nam đã công nhận giấy chứng nhận khả năng chuyên môn của thuyền viên cho 21 quốc gia và vùng lãnh thổ.

1. **Theo Hiệp định vận tải biển song phương đã ký:**

Theo Hiệp định vận tải biển song phương đã ký, Việt Nam và **08** quốc gia sau đây đã công nhận lẫn nhau giấy chứng nhận khả năng chuyên môn của thuyền viên:

* Đức (nêu tại Điều 11 của Hiệp định) (thuộc EU)
* Bungari (Điều 12) (thuộc EU)
* Triều Tiên (Điều 13)
* Hoa Kỳ (Điều 6)
* Angiêri (Điều 16)
* Xu-đăng (Điều 6)
* Tan-da-ni-a (Điều 6)
* Thổ Nhĩ Kỳ (Điều 7).
1. **Qua kênh chưa chính thức**

Ngoài ra, mặc dù chưa ký kết Thỏa thuận song Việt Nam còn được công nhận bởi một số các quốc gia và vùng lãnh thổ khác như: Quần đảo Cayman, Anh (qua email xác nhận việc công nhận).

1. **Kết luận**

Như vậy, cho đến nay, giấy chứng nhận khả năng chuyên môn cho thuyền viên do Việt Nam cấp được công nhận bởi **39 quốc gia và vùng lãnh thổ** (trong đó 37 chính thức (29 theo Thỏa thuận và 08 theo Hiệp định) và 02 chưa chính thức).

Trong số đó có **9 quốc gia thuộc EU** công nhận GCNKNCM của thuyền viên do Việt Nam cấp (theo Thỏa thuận có 07 quốc gia thuộc EU và theo Hiệp định có 02 quốc gia thuộc EU).

Việt Nam đã công nhận công nhận giấy chứng nhận khả năng chuyên môn của thuyền viên cho 30 quốc gia và vùng lãnh thổ.